

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG
Số: 04/2008/TT-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2008

THÔNG TƯ

Hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 25/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

a. Thông tư này hướng dẫn chi tiết việc lập, phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường; kiểm tra, thanh tra việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường và xác nhận hoàn thành các nội dung của đề án bảo vệ môi trường đối với các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sau đây gọi chung là cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) không có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy xác nhận bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường quy định tại khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 21/2008/NĐ-CP ngày 28

tháng 02 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 21/2008/NĐ-CP).

b. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài là chủ cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có hoạt động liên quan đến những nội dung quy định tại điểm a Mục này.

2. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

Khi lập đề án bảo vệ môi trường, tổ chức, cá nhân phải áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường bắt buộc áp dụng), quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường và các quy định khác trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

II. LẬP, PHÊ DUYỆT VÀ XÁC NHẬN ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Lập đề án bảo vệ môi trường

Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 21/2008/NĐ-CP phải lập đề án bảo vệ môi trường cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của mình và trình cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường quy định tại Thông tư này để được phê duyệt hoặc xác nhận.

Đề án bảo vệ môi trường quy định tại điểm 3, điểm 4 khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 21/2008/NĐ-CP được thể hiện theo đúng cấu trúc và yêu cầu về nội dung quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này.

Đối với các cơ sở khai thác khoáng sản phải lập dự án cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Quyết định số 71/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

2. Hồ sơ đề nghị phê duyệt, xác nhận đề án bảo vệ môi trường

2.1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án bảo vệ môi trường

Số lượng và mẫu hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án bảo vệ môi trường được quy định như sau:

a. Một (01) văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt đề án bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này.

b. Bảy (07) bản đề án bảo vệ môi trường được đóng thành quyển theo mẫu trang bìa và phụ bìa quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này, có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của tổ chức, cá nhân và đóng dấu ở trang phụ bìa.

Trường hợp cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nằm trên địa bàn từ hai (02) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) trở lên thì bổ sung thêm số lượng đề án bảo vệ môi trường theo số lượng tỉnh bị ảnh hưởng trực tiếp do chất thải để lấy ý kiến theo quy định tại điểm 2 khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 21/2008/NĐ-CP

c. Một (01) bản sao của một trong các loại: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư; giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép hoạt động khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

d. Một (01) bản sao báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

2.2. Hồ sơ đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường

Số lượng và mẫu hồ sơ đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường được quy định như sau:

a. Một (01) văn bản của tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này.

b. Ba (03) bản đề án bảo vệ môi trường được đóng thành quyển theo mẫu trang bìa và phụ bìa quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này, có chữ ký kèm theo họ tên, chức danh của tổ chức, cá nhân và đóng dấu ở trang phụ bìa.

Trường hợp cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nằm trên địa bàn từ hai (02) huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là huyện) trở lên thì bổ sung thêm số lượng đề án bảo vệ môi trường theo số lượng huyện bị ảnh hưởng

trực tiếp do chất thải để lấy ý kiến theo quy định tại điểm 2 khoản 9 Điều 1 của Nghị định số 21/2008/NĐ-CP.

c. Một (01) bản sao của một trong các loại: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư; giấy phép khai thác khoáng sản hoặc giấy phép hoạt động khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

d. Một (01) bản sao báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

3. Phê duyệt, xác nhận đề án bảo vệ môi trường

3.1. Cơ quan phê duyệt, xác nhận đề án bảo vệ môi trường

a. Cơ quan chuyên môn bảo vệ môi trường cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường) có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và phê duyệt đề án bảo vệ môi trường đối với các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất và quy mô tương ứng với đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

b. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp huyện (Phòng Tài nguyên và Môi trường) có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và xác nhận đề án bảo vệ môi trường đối với các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn trừ các cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy định tại tiết a điểm này.

c. Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế (sau đây gọi là Ban Quản lý) thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, có bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường thành lập theo Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, được phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ đang hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.

d. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiếp nhận hồ sơ và phê duyệt, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đối với cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Đối với các cơ sở hoạt động trên địa bàn từ hai (02) tỉnh hoặc hai (02) huyện trở lên, Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường nơi môi trường chịu tác động tiêu cực lớn nhất từ hoạt động của cơ sở hoặc nơi tập kết chất thải đầu tiên của cơ sở có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường. Trường hợp cơ sở tác động tiêu cực như nhau đến môi trường của một số địa phương thì tổ chức, cá nhân được lựa chọn một trong số các địa phương đó để được phê duyệt hoặc xác nhận đề án bảo vệ môi trường.

3.2. Trình tự, thủ tục phê duyệt đề án bảo vệ môi trường

a. Hồ sơ đề nghị phê duyệt đề án bảo vệ môi trường quy định tại điểm 2.1 khoản 2, mục II Thông tư này được nộp tại cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án bảo vệ môi trường. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc cần bổ sung thì trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan phê duyệt phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân biết để điều chỉnh hoặc bổ sung hồ sơ.

b. Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan phê duyệt đề án bảo vệ môi trường xem xét và thành lập đoàn kiểm tra thực tế bảo vệ môi trường tại cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Thành phần đoàn kiểm tra có sự tham gia của đại diện: Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý (đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế), Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có cơ sở và khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động và một số chuyên gia về môi trường. Trường hợp cần thiết mời cơ quan, ban, ngành liên quan của tỉnh tham gia đoàn. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản, có chữ ký của các bên tham gia. Quyết định thành lập đoàn và biên bản kiểm tra được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 và Phụ lục 6 kèm theo Thông tư này.

Trong quá trình kiểm tra, nếu xét thấy số liệu phân tích các thông số về môi trường trong chất thải của tổ chức, cá nhân chưa đảm bảo độ tin cậy, cơ quan phê duyệt tiến hành lấy và phân tích mẫu chất thải để kiểm chứng, làm căn cứ quyết định biện pháp xử lý phù hợp với các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Kinh phí tổ